

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề
cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH 15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH 15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH 15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH 15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 08/TTr-SGDĐT ngày 25 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc nhà nước Khu vực 13; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- TT Tích hợp Dữ liệu và chuyển đổi số tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Lâm Đồng;
- Lưu: VT, GD, YT, ĐC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Thái



QUY ĐỊNH

Mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; giải quyết việc làm và đào tạo nghề.
- Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

Chương II

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ

Điều 3. Hỗ trợ đào tạo nghề

- Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.
 - Mức hỗ trợ chi phí đào tạo: Mức hỗ trợ theo chi phí thực tế, tối đa 03 triệu đồng/người/khoá học. Riêng trường hợp là người khuyết tật mức hỗ trợ tối đa 06 triệu đồng/người/khoá học; người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ mức tối đa 04 triệu đồng/người/khoá học;
 - Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học;
 - Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

2. Hỗ trợ học phí trình độ trung cấp, cao đẳng:

Mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

Mức trần học phí như sau:

Đơn vị: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026	Năm học 2026 - 2027
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	1.248	1.328	1.360	1.600
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.326	1.411	1.445	1.700
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870	1.992	2.040	2.400
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	1.794	1.909	1.955	2.300
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.287	1.370	1.400	1.650
6	Sức khỏe	2.184	2.324	2.380	2.800
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.560	1.660	1.700	2.000
8	An ninh, quốc phòng	1.716	1.820	1.870	2.200

3. Vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên:

Được vay vốn ưu đãi theo quy định của chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên để tham gia học nghề theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên với mức tối đa 04 triệu/tháng/học sinh, sinh viên.

4. Người có đất thu hồi được hỗ trợ đào tạo nghề một lần theo quy định tại Điều này.

Chương III HỖ TRỢ VIỆC LÀM

Điều 4. Hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước

1. Tư vấn, giới thiệu việc làm không thu phí tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Lâm Đồng;

2. Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng ưu đãi khác theo quy định của pháp luật. Mức cho vay tối đa là 100 triệu đồng/lao động đối với Quỹ quốc gia về việc làm, 100 triệu đồng/lao động đối với nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huy động.

Điều 5. Hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Mức hỗ trợ

a) Chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng: Mức hỗ trợ tối đa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Quy định này;

b) Chi phí đào tạo ngoại ngữ: Theo mức cụ thể của từng khoá học và thời gian học thực tế nhưng tối đa không quá 3 triệu đồng/người/khoá học;

c) Chi phí bồi dưỡng kiến thức cần thiết: Theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 530.000 đồng/người/khoá học;

d) Tiền ăn trong thời gian đào tạo: Mức hỗ trợ 40.000 đồng/ngày thực học;

đ) Chi phí đi lại: Mức hỗ trợ 200.000 đồng/người/khoá học đối với trường hợp cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên; mức 300.000 đồng/người/khoá học với trường hợp cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn và cách địa điểm đào tạo từ 10 km trở lên;

e) Hỗ trợ chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài gồm:

Lệ phí làm hộ chiếu theo mức quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú tại Việt Nam; lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp theo mức quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; mức tối đa 200.000 đồng/người; lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động; chi phí khám sức khoẻ theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khoẻ đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài: mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.

2. Kinh phí hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này được xây dựng trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và được tính trong chi phí đầu tư của dự án hoặc tổng kinh phí của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Mức cho vay vốn tối đa 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

b) Lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định;

c) Thời hạn vay vốn tối đa bằng thời hạn hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi lao động ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng.

4. Người có đất nông nghiệp thu hồi, người có đất kinh doanh thu hồi được hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng một lần theo chính sách quy định tại Điều này.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, triển khai các quy định tại Quyết định này bằng các hình thức phù hợp.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi.

2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Lâm Đồng và các Phòng giao dịch trên địa bàn huyện, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn hồ sơ và tổ chức việc cho vay đối với người có đất nông nghiệp thu hồi, người có đất kinh doanh thu hồi theo quy định tại Quyết định này.

3. Khi các văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất nông nghiệp thu hồi, người có đất kinh doanh thu hồi. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm báo cáo kết quả gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan./.
